



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Xây dựng**; Chuyên ngành: **Kỹ thuật Xây dựng**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRƯƠNG VIỆT HÙNG**

2. Ngày tháng năm sinh: **05/07/1982**; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: **Xã Trường Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Phòng 1101, tòa nhà HH2 Bắc Hà, khu đô thị mới Phùng Khoang, tổ 36, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ:

Trương Việt Hùng, Bộ môn Công trình Giao thông, Khoa Công trình, Phòng 422, Nhà A1, Trường Đại học Thủy lợi - Số 175 phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng- ; Điện thoại di động: **0982 046 889**;

E-mail: truongviethung@tlu.edu.vn; truongviethung82@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 08 năm 2008 đến tháng 06 năm 2012: Kỹ sư Kết cấu, Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và kiểm định công trình Việt Nam.

Từ tháng 07 năm 2012 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Công trình Giao thông, Khoa Công trình, trường Đại học Thủy lợi.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 02/2014 đến tháng 02/2018: Nghiên cứu sinh Tiến sĩ tại trường đại học Sejong – Hàn Quốc.

Chức vụ: Hiện nay: **Giảng viên** ; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: Số 175 phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3852 2201

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): *Không*

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: *Chưa*

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): -

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): -

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 3 năm 2005; số văn bằng: B543007; ngành: Xây dựng Cầu đường; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 11 năm 2008; số văn bằng: 0926; chuyên ngành: Xây dựng Cầu – hầm; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 04 năm 2012; số văn bằng: K17-623; chuyên ngành: Kinh doanh và quản lý; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 02 năm 2018; số văn bằng: 17-065; chuyên ngành: Kỹ thuật Xây dựng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Sejong, Hàn Quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: *Chưa*

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Xây dựng - Kiến trúc

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết ứng xử của vật liệu thép, kết cấu thép và kết cấu liên hợp thép bê tông;
- Hướng nghiên cứu 2: Phát triển các phương pháp xác định độ tin cậy và thiết kế tối ưu cho công trình;
- Hướng nghiên cứu 3: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào dự báo ứng xử và thiết kế tối ưu cho công trình và hệ thống công trình.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **02 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **02 đề tài cấp Trường** và **01 đề tài Quỹ Nafosted** với vai trò chủ nhiệm đề tài; **01 đề tài cấp Trường trọng điểm** với vai trò thư ký đề tài.
- Đã công bố **69 bài báo khoa học** (45 bài là tác giả chính), trong đó **30 bài báo khoa học** trên tạp chí quốc tế có uy tín SCI(E) và SCOPUS (24 bài SCI(E) Q1, 04 bài SCI(E) Q2, 01 bài SCI(E) Q4 và 01 bài SCOPUS Q3) trong đó 18 bài ứng viên là tác giả chính; **24 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước** (02 bài thuộc tạp chí ACI); **15 bài báo trình bày và đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế** (09 bài thuộc danh mục Scopus).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): *Không*.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): *Không*.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt;
- Có chuyên môn được đào tạo phù hợp;
- Tác phong, lối sống lành mạnh, gương mẫu; Chấp hành tốt các nội quy, quy định của Nhà trường, pháp luật của Nhà nước; Không vi phạm đạo đức Nhà giáo;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng;
- Có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Theo nhiệm vụ:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo về đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện tốt quy định của pháp luật và điều lệ của Nhà trường;
- Không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng thời gian công tác tại trường Đại học Thủy lợi: 10 năm 0 tháng (từ 01/7/2012 đến 30/6/2022).
- Tổng số thâm niên đào tạo: **05 năm** (7/2013 – 1/2014 và 3/2018 – 6/2022), trong đó không kể thời gian là giảng viên tập sự (7/2012 – 6/2013) và thời gian làm nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Hàn Quốc (2/2014 – 2/2018).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	-	-	-	-	15,0	-	15,0/19,5/270,0
2	2017-2018	-	-	-	-	60,0	-	60,0/147,8/270,0
3	2018-2019	-	-	-	07	258,0	-	258,0/451,0/270,0
03 năm học cuối								
4	2019-2020	-	-	-	10	213,0	30,0	243,0/469,7/270,0
5	2020-2021	-	-	02	07	165,0	30,0	195,0/435,0*/270,0
6	2021-2022	-	-	-	04	270,0	-	270,0/381,5/280,0**

(*) Kể cả giờ quy đổi hướng dẫn luận văn Thạc sĩ;

(**) Giờ định mức theo Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 1305/QĐ-ĐHTL ngày 28/9/2021 của Hiệu trưởng ĐHTL

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒ :

- Bảo vệ luận án tiến sĩ ☒; Tại nước: **Hàn Quốc** năm 2017.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: -

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: -

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): -

d) Đối tượng khác: ☐

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Viết luận án, bảo vệ và nhận bằng Tiến sĩ tại Hàn Quốc (Sử dụng tiếng Anh).

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hoàng Văn Phúc		×	×		2020 – 2021	ĐH Thủy lợi	2021
2	Dương Anh Tuấn		×	×		2020 – 2021	ĐH Thủy lợi	2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	-	-	-	-	-	-	-
II	Sau khi được công nhận TS						
1	-	-	-	-	-	-	-

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	-	-	-	-	-
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu thiết kế công trình cầu theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017	CN	CS2020-11 Cấp cơ sở	2020	04/11/2020 Xuất sắc
2	Tối ưu tiết diện dầm thép trong cầu dầm thép liên hợp sử dụng thuật toán tiến hóa vi phân	CN	CS2021-08 Cấp cơ sở	2021	24/02/2022 Khá
3	Tối ưu kết cấu thép theo tiêu chuẩn AISC-LRFD sử dụng phương pháp phân tích kết cấu phi tuyến phi đàn hồi	CN	107.01-2018.327 Đề tài quỹ Nafosted (Bộ Khoa học &CN)	04/2019 - 04/2021	28/05/2021 Đạt

4	Ước lượng ứng xử phi tuyến của kết cấu thép sử dụng trí tuệ nhân tạo	TK	30- 2020/KHXD- TĐ Cấp trường trọng điểm	01/2020- 04/2021	30/06/2021 Tốt
---	--	----	---	---------------------	-----------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	An efficient method for optimizing space steel frames with semi-rigid joints using practical advanced analysis and the micro-genetic algorithm	3	X	Journal of Constructional Steel Research / 0143-974X	SCIE (IF=3,646; Q1)	43	128, 416-427	01, 2017
2	Investigating the relationship between hardness and yield strength of SS400 steel using nanoindentation	4		Proceeding of 26th Research World International Conference, Bangkok, Thailand, 5th-6th January 2017 / 978-93-86291-83-7			12-13	01, 2017
3	Numerical simulation of a steel – concrete composite box girder using FE approach	5		Proceeding of 26th Research World International Conference, Bangkok, Thailand, 5th-6th January 2017 / 978-93-86291-83-7			14-16	01, 2017

10	Optimum Design of Stay Cables of Steel Cable-stayed Bridges Using Nonlinear Inelastic Analysis and Genetic Algorithm	3	X	Structures / 2352-0124	SCIE (IF=2,983; Q2)	41	16, 288-302	12, 2018
11	A 2D model for analysis of rain-wind induced vibration of stay cables	2	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE / 1859-2996		4	13(2), 33-47	04, 2019
12	Bend-buckling strength of steel plates with multiple longitudinal stiffeners	5		Journal of Constructional Steel Research / 0143-974X	SCIE (IF=3,646; Q1)	21	158, 41-52	07, 2019
13	Effects of vertical seismic actions on the responses of single-storey industrial steel building frames	4		Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE / 1859-2996		4	13(3), 73-84	08, 2019
14	A deep learning-based procedure for estimation of ultimate load carrying capacity of steel trusses using advanced analysis	3	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE / 1859-2996		32	13(3), 113-123	08, 2019
15	Steel structural design using nonlinear inelastic analysis	2	X	Proceeding of The 2019 World Congress on Advances in Structural Engineering and Mechanics (ASEM19) / 978-89-89693-413-05530			Xuất bản trực tuyến*	09, 2019
16	Nghiên cứu khả năng chịu uốn của ống tròn hai lớp thép nhồi bê tông có liên kết mối nối	3		Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng NUCE / 2615-9058		1	13(4V), 115-128	09, 2019

	bảng mô phỏng phần tử hữu hạn							
17	A three-dimensional model for rain-wind induced vibration of stay cables in cable-stayed bridges	3	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE / 1859-2996		5	14(1): 89-102	10, 2019
18	Effect of multiple longitudinal stiffeners on ultimate strength of steel plate girders	4	X	Structures / 2352-0124	SCIE (IF=2,983; Q2)	18	22, 366-382	12, 2019
19	Ảnh hưởng của chiều dài dòng nước mưa hình thành trên cáp dây văng đến hiệu ứng gió mưa kết hợp	3	X	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy Lợi và Môi trường / 1859-3941			67, 32-38	12, 2019
20	Advanced design software for steel cable-stayed bridges using nonlinear inelastic analysis	2	X	CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure / 978-981-15-0802-8	Scopus		105-110	01, 2020
21	A deep learning-based procedure for safety evaluation of steel frames using advanced analysis	3		CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure / 978-981-15-0802-8	Scopus	3	1137-1142	01, 2020
22	Prediction of buckling coefficient of stiffened plate girders using deep learning algorithm	5	X	CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure / 978-981-15-0802-8	Scopus	8	1143-1148	01, 2020
23	Ước lượng khả năng chịu tải của giàn thép sử dụng phân tích trực tiếp và thuật toán XGBoost	2	X	Tạp chí Xây Dựng Việt Nam / 0866-8762			2, 91-94	02, 2020

24	Phương pháp xử lý hiện tượng mô hình quá khớp trong xây dựng mô hình học sâu để ước lượng khả năng chịu tải của giàn phi tuyến	3	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng NUCE / 2615-9058		1	14(1V), 12-20	02, 2020
25	Optimization of nonlinear inelastic steel frames considering panel zones	3	X	Advances in Engineering Software / 0965-9978	SCIE (IF=4,141; Q1)	22	142, 102771	04, 2020
26	Tính toán thiết kế dầm thép khoét lỗ liên tục theo tiêu chuẩn Mỹ ANSI/AISC 360-16	3	X	Tạp chí Khoa học công nghệ xây dựng / 1859-1566			1, 25-32	04, 2020
27	Ảnh hưởng của các tham số hình học đến ứng xử của cấu kiện ống thép hai lớp nhồi bê tông chịu uốn	3		Tạp chí Khoa học công nghệ xây dựng / 1859-1566			1, 16-24	04, 2020
28	Ảnh hưởng của động đất tác dụng dọc nhà đối với kết cấu thép nhà công nghiệp một tầng có cầu trục	4		Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng NUCE / 2615-9058			14(3V), 23-35	04, 2020
29	Optimization of steel moment frames with panel-zone design using an adaptive differential evolution	4	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE / 1859-2996		10	14(2), 65-75	04, 2020
30	Reliability evaluation of semi-rigid steel frames using advanced analysis	2	X	Journal of Structural Engineering / 0733-9445	SCI (IF=3,312; Q2)	18	146(5), 04020064	05, 2020
31	Reliability-based design optimization of	2	X	IOP Conference Series: Materials Science and	Conference Proceedings Citation	3	869, 052009	06, 2020

	steel frames using direct design			Engineering, Volume 869 / 1757-899X	Index— Science (CPCI-S) (Clarivate, Web of Science)			
32	Bài toán tối ưu kết cấu dàn phẳng sử dụng phân tích trực tiếp có xét đến điều kiện ràng buộc về tần số dao động riêng	2		Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam / 2615-9929		1	62(6), 24-28	06, 2020
33	Phân tích mờ khung thép sử dụng phương pháp phân tích trực tiếp và thuật toán tiến hóa vi phân cải tiến	2	X	Tạp chí Khoa học công nghệ xây dựng / 1859-1566			2, 3-9	06, 2020
34	Sự khác nhau trong thiết kế cầu dây văng theo TCVN 11823:2017 và 22TCN272-05	2	X	Tạp chí Xây Dựng Việt Nam / 0866-8762			7, 152-157	07, 2020
35	Phương pháp gần đúng xác định diện tích mặt tiếp xúc của gối cách chấn dàn hồi cốt sợi không liên kết hình khối hộp với các bộ đỡ	2	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng NUCE / 2615-9058			14(3V), 36-45	07, 2020
36	Fuzzy static finite element analysis for functionally graded structures with semi-rigid connections	3		Structures / 2352-0124	SCIE (IF=2,983; Q2)	9	26, 639-650	08, 2020
37	Effects of bending stiffness and support excitation of the cable on cable rain-wind	1	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE / 1859-2996	ACI		14(3), 102-116	08, 2020

	induced inclined vibration							
38	Behavior of composite CFST beam concrete column joints	7		Steel and Composite Structures / 1598-6233	SCIE (IF=5,733; Q1)	2	37(1), 75-90	10, 2020
39	Nghiên cứu tính toán chuyển vị của dầm cầu dây văng dưới tác dụng của tải trọng theo mô hình tháp mềm bằng phương pháp phần tử hữu hạn	3		Tạp chí Giao thông vận tải / 2354-0818			10, 111-114	10, 2020
40	Fully nonlinear analysis of steel-concrete girder with web local buckling effects	4		International Journal of Mechanical Sciences / 0020-7403	SCI (IF=5,329; Q1)	6	184, 105729	10, 2020
41	Comparison of machine learning algorithms for regression and classification of ultimate load-carrying capacity of steel frames	5	X	Steel and Composite Structures / 1598-6233	SCIE (IF=5,733; Q1)	17	37(2), 193-209	10, 2020
42	Một chương trình phân tích kết cấu mờ ứng dụng dựa trên xấp xỉ Taylor bậc nhất	2	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng NUCE / 2615-9058			14(5V), 156-165	11, 2020
43	A robust method for safety evaluation of steel trusses using gradient tree boosting algorithm	4	X	Advances in Engineering Software/0965-9978	SCIE (IF=4,141; Q1)	36	147, 102825	12, 2020
44	Fuzzy finite element analysis for free vibration response of functionally graded semi-rigid frame structures	3		Applied Mathematical Modelling / 0307-904X	SCI (IF=5,129; Q1)	8	88, 852-869	12, 2020

45	Optimal design of longitudinal stiffeners of unsymmetric plate girders subjected to pure bending	7		Ocean Engineering / 0029-8018	SCI (IF=3,795; Q1)	4	221, 108374	02, 2021
46	Fully nonlinear inelastic analysis of rectangular CFST frames with semi-rigid connections	4		Steel and Composite Structures / 1598-6233	SCIE (IF=5,733; Q1)		38(5), 497-521	02, 2021
47	Machine learning-based prediction of CFST columns using gradient tree boosting algorithm	3	X	Composite Structures / 0263-8223	SCI (IF=5,407; Q1)	28	259, 113505	03, 2021
48	Support vector machine for short-term traffic flow prediction and improvement of its model training using nearest neighbor approach	2		Transportation Research Record / 0361-1981	SCI (IF=1,560; Q4)	7	2675(4), 362-373	04, 2021
49	An efficient differential-evolution-based moving compensation optimization approach for controlling differential column shortening in tall buildings	3	X	Expert Systems With Applications / 0957-4174	SCIE (IF=6,954; Q1)	5	169, 114531	05, 2021
50	Characteristics of Semi-rigid Steel Frames with Fuzzy Variables	2	X	Structural Health Monitoring and Engineering Structures 2020 / 978-981-16-0945-9	Scopus		103-111	06, 2021
51	Optimization of Rigid Steel Frames Using Direct Analysis and Improved Differential	2	X	Structural Health Monitoring and Engineering Structures 2020 / 978-981-16-0945-9	Scopus		113-120	06, 2021

	Evolution Considering Frequency Constraints							
52	Finite element simulation of normal – Strength CFDST members with shear connectors under bending loading	8		Engineering Structures /0141- 0296	SCI (IF=4,471; Q1)	3	238, 112011	07, 2021
53	Support Vector Machine for Regression of Ultimate Strength of Trusses: A Comparative Study	2	X	Engineering Journal /0125-8281	ESCI, Scopus (Q3)	4	25(7), 157- 166	07, 2021
54	Thiết kế tối ưu dầm thép tổ hợp chữ I trong kết cấu cầu liên hợp nhịp đơn giản theo TCVN 11823:2017	4	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng NUCE / 2615-9058			15(3V), 55-68	07, 2021
55	Numerical simulation for structural behaviour of stainless steel web cleat connections	7		Journal of Constructional Steel Research / 0143-974X	SCIE (IF=3,646; Q1)	2	183, 106706	08, 2021
56	Machine learning- based method for forecasting water levels in irrigation and drainage systems	7	X	Environmental Technology & Innovation / 2352- 1864	SCIE (IF=5,263; Q1)	3	23, 101762	08, 2021
57	Ứng dụng thuật toán Rao tối ưu khung thép sử dụng phân tích phi tuyến tính phi đàn hồi	3		Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam / 2615-9929			63(8), 35- 39	08, 2021
58	Predicting the patch load resistance of	5	X	Ocean Engineering / 0029-8018	SCI (IF=3,795; Q1)	3	240, 109886	11, 2021

	stiffened plate girders using machine learning algorithms							
59	Experimental study on bearing capacity of corroded high-strength bolt connections under shear force	9		Construction and Building Materials / 0950-0618	SCIE (IF=6,141; Q1)		309, 125117	11, 2021
60	Direct design of structures using nonlinear inelastic analysis	2	X	2020 International Conference on Civil, Architectural and Environmental Engineering / 978-0-7354-4162-0	Scopus		020011-1 - 6	12, 2021
61	Xác định tải trọng gió tác dụng lên dây co của trụ viễn thông theo tiêu chuẩn Mỹ TIA - 222-G tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Khoa học công nghệ xây dựng / 1859-1566			3, 27-34	12, 2021
62	Characterization of stress relaxation behavior of poscable-86 high-strength steel wire	2	X	Modern Mechanics and Applications / 978-981-16-3239-6	Scopus		905-914	01, 2022
63	Discrete truss optimization using Rao algorithms	3	X	CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure / 978-981-16-7160-9	Scopus	1	127-135	01, 2022
64	Enhanced Rao Algorithm-Based Optimization Method for Nonlinear Inelastic Steel Frames	4	X	CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure / 978-981-16-7160-9	Scopus		207-215	01, 2022
65	Thiết kế tối ưu rời rạc dầm thép liên	1	X	Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam / 2615-9929			64(1), 38-43	01, 2022

	hợp trong cầu dầm nhịp giản đơn							
66	Experimental and theoretical study on mechanical properties of mild steel after corrosion	9		Ocean Engineering / 0029-8018	SCI (IF=3,795; Q1)		246, 110652	02, 2022
67	Optimum location of a single longitudinal stiffener with various cross-section shapes of steel plate girders under bending loading	4	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering HUCE / 1859-2996	ACI		16(2), 65–75	04, 2022
68	Exploring potential machine learning application based on big data for prediction of wastewater quality from different full-scale wastewater treatment plants	7	X	Science of the Total Environment / 0048-9697	SCIE (IF=7,963; Q1)		832, 154930	08, 2022
69	A robust method for load-carrying capacity assessment of semirigid steel frames considering fuzzy parameters	2	X	Applied Soft Computing / 1568-4946	SCIE (IF=6,725; Q1)		124, 109095	08, 2022

* Đường dẫn: www.i-asem.org/publication_conf/asem19/2.SC/YF2B.1.SC1160_5986F1.pdf

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 13 bài báo, số thứ tự 10, 18, 25, 30, 41, 43, 47, 49, 53, 56, 58, 68 và 69.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng đề án mở chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình – trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN	Tham gia	Số 513/QĐ-ĐT ngày 07/8/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN	Đại học Công nghệ - đại học Quốc gia Hà Nội	Số 596/QĐ-ĐHQGHN ngày 11/3/2022 của Giám đốc đại học Quốc gia Hà Nội	-
2	Xây dựng đề án mở chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng – trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN	Tham gia	Số 514/QĐ-ĐT ngày 07/8/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN	Đại học Công nghệ - đại học Quốc gia Hà Nội	Số 606/QĐ-ĐHQGHN ngày 11/3/2022 của Giám đốc đại học Quốc gia Hà Nội	-

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): 01 năm 00 tháng

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm học: 2013-2014/ Số giờ thiếu: 120 (Nghiên cứu sinh tiến sĩ ở nước ngoài).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Năm học: 2017-2018/ Số giờ thiếu: 75 (Nghiên cứu sinh tiến sĩ ở nước ngoài).

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm học: 2013-2014/ Số giờ thiếu: 250,5 (Nghiên cứu sinh tiến sĩ ở nước ngoài).

Năm học: 2017-2018/ Số giờ thiếu: 122,2 (Nghiên cứu sinh tiến sĩ ở nước ngoài).

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 02 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: *Không*

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: *Không*

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 13 CTKH ☒

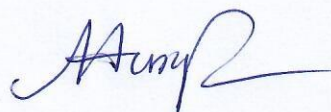
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: *Không*

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Trương Việt Hùng

